

THẮNG TƯ DUY PHẠM THIÊN SỞ VẤN KINH LUÂN

QUYỂN 4

Bồ-tát như vậy tiến vào quả vị Bồ-tát rồi, vì muốn đem lại lợi ích cho tất cả chúng sinh, cho nên tâm sinh hữu, thâm nhiếp sinh trong các cõi. Vì vậy tiếp theo nói về Đại Bồ-tát dùng tâm tự tại sinh trong ba cõi, vì vậy gọi là công đức nhiếp thủ.

Bốn câu chỉ rõ. Dùng năng lực tự tại thâm nhiếp sinh vào nơi thù thắng. Dù sinh vào nơi đó, nhưng không bị cấu nhiễm theo cảnh giới ấy. Trong thời gian lâu dài nhiếp thủ nơi sinh không hề mệt mỏi, không vì các nghiệp phiền não chi phối sinh ra, mà tự tại như ý để nhiếp thủ sinh ra. Bất cứ nơi chốn nào, Bồ-tát sinh vào đó đều tiếp nhận mọi điều khổ não, không hề sợ hãi.

Bồ-tát như vậy, vì làm lợi ích cho tất cả chúng sinh mà tu hành các hạnh, thường làm bậc thượng thủ cho hết thảy chúng sinh. Vì vậy, tiếp theo nói Bồ-tát có khả năng làm bậc thượng thủ, có khả năng lãnh đạo đại chúng, có thể làm mọi công đức. Có mười lăm câu chỉ rõ nghĩa này.

Tự thân Bồ-tát, như pháp Phật đã giảng nói mà tu hành, siêng học tập và dạy bảo người khác không mắc lỗi, dù bao lâu vẫn học tập giới cấm, gìn giữ, không phá hỏng, phòng ngừa cẩn thận kiên cố.

Như vậy thì có hai loại công đức cho nên tự mình khéo an trú vào thời gian trước-sau.

Do nghĩa ấy mà Bồ-tát có khả năng lãnh đạo đại chúng, cho nên biết.

Vì chúng sinh, Bồ-tát có khả năng làm bậc thượng thủ khiến họ quy phục. Vì vậy, Bồ-tát có khả năng lãnh đạo đại chúng, các ma không thể gây trở ngại, mọi nghiệp ma lùi xa. Gìn giữ nghiệp nơi thân-miệng-

ý được hoàn toàn, không sợ người khác nói lỗi của mình. Hiện thấy được pháp rất sâu, cho nên có khả năng giải đáp các câu hỏi khó mà không khiếm nhược, dùng phương tiện khéo léo để giảng nói pháp cho nên lãnh đạo đại chúng làm những việc lớn lao. Tu hành các hạnh không lùi lại là phần căn thiện của chính mình.

Hai câu chỉ rõ chúng sinh đáng được hóa độ, sinh vào nơi sáng tỏ, có khả năng làm nhân duyên để hóa độ chúng sinh lìa xa vô minh, theo thứ tự như vậy, nghĩa này nên biết. Các chúng sinh có người tùy thuận có người không tùy thuận, nhưng tâm Bồ-tát vẫn kiên cố. Dù các phiền não có chống đối hay không chống đối, tâm Bồ-tát vẫn không đổi khác. Đối với chúng sinh, Bồ-tát không có tâm khác nhau, luôn giúp họ thành tựu tất cả các loại công đức, vì có khả năng tiếp nhận tất cả số lượng công đức. Làm ơn cho người khác, không cần người khác trả ơn lại, vì mọi chướng ngại trói buộc không buộc được tâm. Vì dập tắt hết tất cả các sử và vì pháp đối trị với tất cả chúng sinh, cho nên dù được đại chúng vây quanh, nhưng tâm Bồ-tát không tự cao.

Bồ-tát tu hành các công hạnh lợi mình - lợi người như vậy là tu hành thành tựu pháp Phật. Vì vậy tiếp theo là nói đến công đức tu hành thành tựu pháp Phật. Có hai mươi chín câu chỉ rõ nghĩa ấy.

Phải biết người này như núi Tu-di đứng vững không động là do nương vào tất cả các công đức thù thắng của trí không phân biệt. Mọi phân biệt của bảy địa còn lại không thể làm động. Vì dựa vào pháp đó, vì tánh kiên cố của nó, cho nên mọi ý niệm Thanh văn và Bích-chi Phật đều không phá hoại được. Dựa vào pháp bên trong của Như Lai mà tu hành cho nên những gì đi ngược với pháp Phật đều không thể làm hư hỏng. Vì được năng lực thù thắng, cho nên tiến vào pháp vô ngã của nghĩa sâu xa thứ nhất.

Người này được chuyển biến thân với pháp thù thắng, dựa vào pháp đó, cho nên được giải thoát. Vì đã dập tắt phiền não. Vì dựa vào sự tu hành chuyển biến thân đạt được thân, cho nên mọi chủng tử phiền não ô nhiễm dựa vào thân đều diệt hết. Vì nghe mãi chánh pháp của tất cả Đức Phật mà không hề đầy đủ, cho nên chứng ngộ thật tế không còn có cảnh giới. Chưa chứng ngộ có thể chứng ngộ mà không mong cầu. Vì các chúng sinh chuyển pháp luân diển nói chánh pháp. Dùng các tướng tốt trang nghiêm thân mình, cho nên có thể duy trì niềm vui lâu dài, như vua Đế thích là niềm vui ưa thích của các chúng sinh. Vì đạt được mười năng lực tự tại trong tám địa.

Hai câu chỉ rõ sự nương vào việc thuyết pháp với biện tài ưa giảng

nói trong chín địa, giúp cho các chúng sinh tương ứng với chánh niệm.

Như thứ tự nêu bày, về nghĩa này cho nên biết.

Do được pháp của chủ thể đối trị khéo tăng trưởng ở địa Bồ-tát thứ mười, cho nên ra khỏi pháp chướng ngại của sự đối trị.

Gọi là khiếp nhược, là đối với những pháp đã đối trị, cho nên nói là nhiếp nhược.

Vì các Bồ-tát đã an trú vào nơi như vậy, cho nên gọi là Phật địa. Dù là địa có chướng ngại nhưng Bồ-tát không bị chướng ngại. Bồ-tát này trú vào nơi chốn thù thắng hơn các Bồ-tát khác, vì Bồ-tát ấy an trú nơi địa không ai bằng của Bồ-tát bình đẳng.

Lại nữa, không ai bằng, không sai biệt mà lại có thuyết giảng các Tu-đa-la sai biệt về pháp vô ngã bình đẳng cùng chứng một vị như nhau.

Bồ-tát an trú vào nơi đó, người khác không thể dùng giác quán để lường xét được.

Vì biện tài ưa nói pháp, giảng nói tất cả pháp sâu kín không vướng mắc. Bồ-tát có khả năng nhớ kỹ càng tất cả pháp mà vô lượng Như Lai đã nói, không để quên mất. Ngay sau đó dùng tuệ nghe, tiếp nhận cơn mưa Đại pháp. Sau đó dùng giác quán như thật mà tiến vào giác quán. Dùng pháp ấy giác ngộ tùy thuận đúng đắn đi sâu vào các pháp. Vì tiến vào tám vạn bốn ngàn hạnh môn của các chúng sinh theo đúng như hạnh ấy giúp cho pháp đối trị không hề mệt mỏi. Vì vậy Bồ-tát tuy thấy thế gian mà luôn tách rời thế gian. Những pháp thế gian như được-mất..., các sử phiền não như yêu-ghét-tham-giận đều không thể nào tăng trưởng được. Bồ-tát ấy tuy có được những điều lợi ích to lớn nhưng đối với phần tu hành các thiện căn không thể nào hoại diệt được.

Bồ-tát tu tập pháp Phật như vậy, tu tập chân chánh các hạnh, cho nên được các quả báo tốt đẹp. Vì vậy tiếp theo nói đến sự việc đạt được quả báo công đức, gồm hai mươi sáu câu chỉ rõ nghĩa ấy.

Nướng vào chưa hiểu biết thành tựu, nướng vào sắc thành tựu, nướng vào nghiệp thành tựu.

Nướng vào địa Bồ-tát thành tựu đầy đủ tất cả. Nướng vào sự thành tựu tiến vào Phật địa đến cùng.

Nghĩa này theo thứ tự như vậy, cho nên biết.

Phải biết người này đã có được sự vui vẻ đáng mến, được các bậc thông tuệ đều kính trọng. Vì chứng ngộ lý như thật, cho nên Bồ-tát này làm bè bạn đồng hành với người ấy, với tâm cung kính, ái mộ, nhớ nghĩ. Rồi dựa theo pháp cú dựa vào sự hiểu biết về pháp tướng, biết rõ pháp

kia cho nên trân trọng cúng dường.

Như thứ tự giảng nói, vì tôn trọng pháp Phật cho nên luôn luôn cúng dường, do đó dựa vào người trung gian, người không tin tưởng vào pháp Phật, nhận thấy Bồ-tát có sự nghiệp tốt đẹp lớn lao mà quy y với Bồ-tát, lễ bái..., hết mực tinh tiến tu tập hạnh Bồ-tát. Đối với Bồ-tát này, các Bồ-tát khác cũng cúng dường. Người của hàng Nhị thừa, dù vẫn tinh tiến tu tập để chứng được đạo quả, nhưng vì Bồ-tát này có công đức thù thắng cho nên người Nhị thừa kia cũng mong cầu công đức ấy. Vì thế Bồ-tát này nương vào hạnh thù thắng của mình mà không mong cầu Tiểu thừa. Đây là tâm thành tựu đạt được tướng của quả báo công đức.

Phải biết người này vì không đua nịnh, tà vạy, vì không chút cấu nhiễm theo pháp đua nịnh, vì đã xa lìa pháp tướng hữu vi của thế gian như các thứ tà hạnh, xu phụ. Do có khả năng phát sinh sự hoan hỷ cho thế gian mà các oai nghi như đi-đứng-ngồi-nằm, đã hoàn toàn thành tựu với các sắc tướng hình mạo vi diệu hơn kém. Do đầy đủ oai nghi, cho nên được các thế gian sinh tâm cung kính, tôn trọng, vì thân tướng Bồ-tát đầy đủ ba mươi hai tướng tốt. Do Bồ-tát ấy hiển hiện tất cả các loại thân đầy đủ tám mươi vẻ đẹp. Đây là sắc thành tựu đạt được tướng của quả báo công đức.

Nương vào sự hành hóa trú trì của Phật-Pháp-Tăng đều là nghiệp thành tựu đạt được tướng của quả báo công đức.

Người này được thấy chư Phật, là bởi vì hiện thấy hết thấy Chư Phật tức là nhờ vào các công đức của Phật cho nên được thấy đúng như thật. Được hiện thấy Pháp thân của Như Lai, được chứng ngộ vô lượng pháp mà tiếp nhận quả vị, được pháp nhẫn ở tất cả phần vị hạ-trung-thượng. Nói nhẫn bậc hạ là ở trong bảy địa. Nói nhẫn bậc trung là ở trong địa thứ tám-thứ chín. Nói nhẫn bậc thượng là ở trong địa thứ mười. Đây là Bồ-tát thành tựu đầy đủ tất cả các địa đạt được tướng của quả báo công đức.

Người này đầy đủ đạo tràng, là bởi vì chứng được Nhất thiết chủng, tất cả các công đức đều đầy đủ. Người này có năng lực làm cho các ma quân phải hàng phục, thậm chí người này có năng lực làm những việc mà Phật đã làm. Bởi vì làm cho ma quân phải hàng phục, như vậy theo thứ tự dựa vào mà làm, đem lại lợi ích cho chúng sinh. Nên biết đây là sự thành tựu tiến vào Phật địa đến cùng, đạt được tướng của quả báo công đức.

Không sợ hãi: Thế nào là sợ hãi? Vì nghe pháp sâu xa cho là đạo khác lạ, đó gọi là sợ hãi. Vì sự sợ hãi đó càng chuyển biến tăng thêm

nối tiếp nhau không dứt, cho nên gọi là sợ hãi tăng thượng. Sự sợ hãi không đoạn tuyệt tương ứng với sự chấp trước, gọi là sợ hãi tăng thêm tội bậc. Vì rơi vào trong sợ hãi, vì đang trong sợ hãi, vì sợ hãi không còn. Như vậy theo thứ tự cho thấy rõ người kia không sợ hãi, không có sợ hãi tăng thêm, không có các sợ sợ hãi tăng thượng tội bậc. Nghĩa này cho nên biết.

Nói công đức kia hãy còn không thể hết, là dựa vào sự tu hành như lời Phật giảng nói, gồm bảy loại công đức với vô số các loại khác nhau không thể tính hết.

Bồ-đề của Phật là như trước đã nói, Bồ-đề đó khó có thể nhận biết. Hai câu nêu rõ sự khó thấy, khó biết, chỉ rõ vì đó là trí xuất thế gian. Dựa vào trí xuất thế gian đạt được cảnh giới của trí, các trí thế gian khác thì không thể nhận biết được cảnh giới đó.

Có khả năng tin tưởng, là nương vào sự tiếp nhận thọ trì đọc tụng, giải thích có thể tự mình tùy thuận pháp, tu hành như thật để giúp người khác biết, cho nên gọi là tin. Đó là khiến cho người khác có trí phương tiện khéo léo tu hành như thật, nghĩa này cho nên biết. Sự tiếp nhận thọ trì đọc tụng giảng giải đều vốn có công đức không thể kể xiết, bởi vì đây là cảnh giới của Nhất thiết trí.

Tiếp theo nương vào sự việc Phạm Thiên không thể nào nhận biết trọn vẹn về trí đầy đủ kia. Như kinh nói: Bảy giờ, Như Lai bảo Đại Phạm Thiên Thắng Tư Duy: Này Phạm Thiên! Ông chỉ biết một phần ít về sắc thân và công đức của các Đại Bồ-tát kia, mà ca ngợi Bồ-tát. “Đây là trình bày về nghĩa gì? Bởi vì nương vào sự ca ngợi, nương vào công đức và sự nghiệp Bồ-tát, theo thứ tự như vậy, nương vào nghĩa rất sâu xa mà nói. Có nghĩa là hết sức thâm diệu trong từng chữ-câu-nghĩa, cho nên biết. Đó là chỉ rõ sự nhận biết được nơi chốn đi tới, hướng đến là biết được ý nghĩa sâu xa thâm diệu. Đây là vì nghĩa gì? Biết được ý sâu xa là biết ý của người có khả năng nói pháp. Nêu rõ dựa vào mức độ tương ứng với pháp cho nên nghĩa và pháp trước sau đều phù hợp, nên biết.

Bởi vì không xuôi theo nghĩa của văn tự mà dựa vào nghĩa chứ không dựa vào chữ, vì nương vào câu hỏi chân chánh và lời nói chân chánh, dùng năm loại năng lực tu hành mà nói. Vì vậy cho nên, tức nói năm năng lực của ngôn ngữ gọi là ưa giảng nói, nghĩa này cho nên biết.

Năm năng lực này sao gọi là lực? Vì có bốn loại năng lực tương ứng. Những gì là bốn loại? Đó là:

1. Năng lực trí tuệ công việc Phật đã làm.
2. Năng lực hàng phục tất cả các ngoại đạo.
3. Năng lực có thể nhận biết tất cả nghiệp ma, nhận biết rồi thì có thể xa lìa chúng.

4. Năng lực tiếp nhận tất cả ba thừa.

Mỗi mỗi năng lực đều khế hợp với pháp kia. Vì nương vào pháp đó, Như Lai luôn luôn giảng giải về sự khéo léo tương ứng.

Năm năng lực này nương vào năm pháp rất sâu xa mà nói. Những gì là năm? Đó là:

1. Dựa vào tướng thâm diệu.
2. Dựa vào ý thâm diệu.
3. Dựa vào thời xứ thâm diệu.
4. Dựa vào sự tiến thủ thâm diệu.
5. Dựa vào việc thường xuyên giảng nói pháp tùy thuận thâm diệu.

Theo thứ tự như vậy.

Dựa vào tướng thâm diệu: Là vì tướng khác nhau rất khó nhận biết của tất cả các pháp trong ba đời. Các pháp quá khứ..., nương vào bốn loại mà nói. Những gì là bốn? Đó là:

1. Nương vào sự việc mà nói.
2. Nương vào sự đối lập của pháp đối trị mà nói.
3. Nương vào nghĩa của Thế đế mà nói.
4. Nương vào sự khác biệt về sự tiến thủ của Thừa mà nói.

Đây là trình bày nghĩa gì?

- Nương vào sự việc mà nói, là nương vào sự việc trong ba đời để nói về pháp tướng của sự việc kia.

Sự việc trong ba đời, là quá khứ-vị lai-hiện tại, thì ở đây gọi là nói về việc của ba đời. Vì nương vào trí không chướng ngại của Như Lai để nói về sự việc ba đời, gọi là ghi nhớ về ba đời.

- Nương vào sự đối lập của pháp đối trị mà nói, phiền não cấu nhiễm là đối trị, pháp thanh tịnh là chủ thể đối trị. Pháp thanh tịnh và phiền não kia có hai loại khác nhau là thiện và bất thiện.

Lại nữa, pháp thiện cũng có hai loại khác biệt là thế gian và xuất thế gian. Thế gian cũng có hai loại khác nhau là hữu lậu và vô lậu. Hữu lậu cũng có hai loại khác nhau là có lỗi và không có lỗi. Không có lỗi cũng có hai loại khác nhau là hữu vi và vô vi.

- Nương vào nghĩa của Thế đế mà nói; là nương vào danh tự giả danh để nói về tướng khác nhau của ngã- chúng sinh...

- Nương vào sự khác biệt về sự tiến thủ mà nói; là đạt được nghĩa

bậc nhất, chứng ngộ Chân Như, vì chánh trí dựa vào sự thanh tịnh.

Sự chứng ngộ theo thứ tự như vậy là tiến tới Niết-bàn của thế gian. Đây là trình bày nghĩa gì? Nơi tiến tới của người thế gian tức là Nhị thừa của thế gian, nhiếp thủ pháp chứng ngộ của địa khác, cho là Niết-bàn mà giữ lấy phạm vi tịch diệt của Niết-bàn. Các Đại Bồ-tát không trú vào hai nơi này.

Vì nói năng lực ban đầu của Bồ-tát không chấp trước cho nên không có lỗi lầm.

Nói dụ về trò huyễn... Đây là trình bày nghĩa gì? Như các ảo thuật làm ra thân thể con voi..., đều không thành tựu.

Như vậy, ngôn ngữ đã nói về các pháp như sắc với những thân tướng đều không thành tựu, như trong mộng mộng thấy thọ dụng các loại cảnh giới, nhưng những cảnh giới trong giấc mộng ấy đều là điên đảo. Theo lời nói như vậy về nghĩa thọ dụng pháp lạc thì pháp đó chỉ là sự phân biệt hư vọng.

Lời nói-tiếng vang, có như chính mình nghe trong hư không, nhưng tiếng đó không có nơi trú vào. Như vậy nói pháp với lời lẽ-âm thanh về Đệ nhất nghĩa đế là khéo an trú trong vô trú. Như ảnh kia hiện trong gương thấy chỉ có tướng, tuy thấy có các thứ hình tướng của sắc..., nhưng các hình tướng đó đều không tương ứng với Thể của pháp. Nương vào pháp đó tùy thuận mà nảy sinh ngôn ngữ như vậy: Nói tất cả các pháp cũng chỉ là tướng, tuy có các loại danh tự sai biệt mà các danh tự cùng với pháp đã nói không hề tương ứng, nhưng dựa vào pháp mà tùy thuận với tướng. Như dùng các dấu in để in vào bùn cùng trông thấy dấu in thứ hai, nhưng tự Thể của các dấu in vẫn không thay đổi, không hòa nhập. Với cách nhìn như vậy lời lẽ như vậy mà nói về các pháp, thì tuy dựa vào lời nói nghe đến nghĩa của sắc mà tướng và nghĩa hoàn toàn sai biệt. Nhưng các ngôn ngữ không thuộc về nghĩa của pháp mà nghe thì vốn như vậy.

Như sóng năng kia thật sự không có nước, nhưng cũng thấy là nước. Như vậy ngôn ngữ nói về Thể tướng thì Thể tướng của các pháp không giống như lời nói, nhưng cũng nhận thấy Thể tướng của pháp đó. Như hư không kia xưa nay vốn không sinh không diệt, tuy có dùng lời nói để nói về hư không, nhưng hư không kia vẫn không có tự Thể để có thể nói được.

Như vậy ngôn ngữ nói về Đệ nhất nghĩa thì không thể nói về Thể của nó, vì mọi pháp không có lời lẽ nào có khả năng diễn đạt.

Nói pháp là không nói được một pháp nào cả, vì lời nói về pháp

kia đều như huyễn, cho nên Như Lai dùng thí dụ về trò huyễn để chỉ ra.

Như vậy, không vướng mắc vào lời nói khi nói về nghĩa của pháp, đạt được trí không chướng ngại với biện tài ưa nói pháp, đó gọi là lợi ích. Nghĩa này cho nên biết. Đây là trình bày nghĩa gì? Tất cả pháp ngôn ngữ không là pháp giới mà nói, không sai biệt với pháp giới mà nói. Đây là vì nghĩa gì? Tất cả pháp được nói ra như sắc..., với những sai biệt không là pháp giới mà nói, vì pháp giới luôn hòa hợp, mà nói về các pháp sai biệt như sắc..., nhưng không hề chấp trước.

Dựa vào ý thâm diệu, là nương vào sáu loại mật ý của Như Lai mà Bồ-tát có khả năng biết được Như Lai có dụng ý rất sâu xa. Về nghĩa này cho nên biết. Những gì gọi là sáu loại mật ý? Đó là:

1. Mật ý về sự nhớ nghĩ.
2. Mật ý về sự không nêu bày.
3. Mật ý đối với đối trị.
4. Mật ý về pháp.
5. Mật ý về tâm.
6. Mật ý về chuyển biến của chữ.

“Phạm Thiên! Như Lai hoặc pháp nhiệm nói là tịnh...” Đây là chỉ rõ mật ý về sự nhớ nghĩ. Nghĩa này là thế nào? Bởi vì không thấy Thể của pháp phiền não cấu nhiễm. Nếu có thấy là vì chấp vào Thể của pháp tịnh, vì nhiễm hay chánh niệm, cả hai đều không có tự Thể.

Bởi vì không dao động chấp trước, đây là thể tướng của pháp nhiệm. Bởi vì tâm dao động chấp trước đây là Thể tướng của pháp tịnh. Pháp nhiệm kia dù không phải là chánh niệm, nhưng pháp nhiệm ấy không thành pháp nhiệm. Đây gọi là mật ý về sự nhớ nghĩ của Như Lai.

“Lại nữa, Phạm Thiên! Ta nương vào bố thí tức là chỉ rõ về Niết-bàn...”. Đây là chỉ rõ mật ý về sự không nêu bày. Đó là trình bày về nghĩa gì? Bởi vì Phật không khởi tâm mà thuyết các pháp. Vì tất cả pháp đều không có năng lực như vậy, có thể từ đời này chuyển biến đến đời kia. Pháp của Ta là vô Thể, cho nên không có một pháp nào có thể chuyển đổi. Chính vì nghĩa này, cho nên không có một pháp nào chuyển biến đến đời khác. Vì vậy nương vào bố thí mà nói đạt được Niết-bàn là không có điều ấy. Đây gọi là mật ý không nêu bày của Như Lai.

Từ trì giới cho đến Bát nhã là để chỉ rõ Niết-bàn. Đây là trình bày nghĩa gì? Đây là trình bày về mật ý đối với đối trị. Đó là vì nghĩa gì? Bởi vì pháp đối trị của những sự đoạn mất giới nương vào hạnh Ba-la-mật mà thực hành vui vẻ.

Nói trì giới..., gọi là Niết-bàn, vì đoạn tuyệt khả năng phát khởi phiền não phá giới của thân-miệng-ý cho nên không làm những điều ác, mà lìa xa tất cả các tâm sát hại. Dựa vào tâm sát hại ấy là không vì không cho nên không còn sinh tâm nhẩn nhục.

Vì lìa lười biếng mà thường siêng năng tinh tiến, là tăng trưởng điều thiện để diệt trừ tiền ác. Không có tâm như vậy là thiện không tăng thêm, hành ác không diệt.

Lại nữa, tâm không còn dao động vì không có giác quán. Đây là vì nghĩa gì? Vì lìa tất cả tâm dao động, vì không còn tâm phân biệt tán loạn, vì lìa tất cả cảnh giới do nhận thức mà sinh ra, cho nên không phát sinh.

“Ta đã được tâm, vì không có gì để được, mà gọi là được, vì không thấy có pháp”. Đây gọi là mật ý của Như Lai đối với pháp đối trị.

Tham dục là thật tế pháp tánh không có tướng của dục, cho đến ngu si là thật tế pháp tánh không có tướng của ngu si. Lìa khỏi chân như thì tham dục..., thật tế..., không có pháp nào đáng nói. Đây là nêu rõ một ý về pháp của Như Lai. Điều này trình bày nghĩa gì? Thật tế pháp tánh không có tướng ngu si. Đây là nêu rõ mật ý về pháp. Đây là vì nghĩa nào? Bởi vì lìa xa Chân Như thì tham dục..., thật tế..., không có pháp nào có thể nói. Nghĩa này nên biết. Đây gọi là mật ý về pháp của Như Lai.

Thế gian là Niết-bàn vì không lười lại-không sinh, cho đến hư vọng là lời nói thật, làm cho người tăng thượng mạn. Đó là chỉ rõ mật ý về tâm. Đây là trình bày nghĩa gì? Bởi vì hiểu thế gian xưa nay không sinh-không diệt-tức là Niết-bàn. Chấp trước về Niết-bàn, về Thế tướng của Niết-bàn, chấp lấy tướng như vậy do lỗi lầm ở tâm ấy, tức là thế gian.

Lời nói thật, là nương vào lời nói để nói. Nếu nhận thấy là thật, tức là hư vọng. Nói hư vọng là người ngã mạn phân biệt hư vọng, cho sự phân biệt là thật mà chấp lấy tướng thật, nhưng là không thật. Đây gọi là mật ý về tâm của Như Lai.

“Lại nữa, Phạm thiên! Như Lai vốn dĩ tùy ý, hoặc tự nói: Ta bảo là thường biên (chấp thường)”. Đây là chỉ rõ mật ý về chuyển biến của chữ. Đó là trình bày nghĩa gì? Bởi vì nói Niết-bàn..., là pháp thường còn. Vì nói các pháp phiền não..., là cấu nhiễm. Vì nói đoạn trừ các kiết sử phiền não như tham... Vì nói không tạo ra hành ác vì nói không tạo nghiệp thân... Vì thấy rõ mọi tà kiến hý luận, vì Nhất thiết trí là không tùy thuộc vào nhân duyên của người khác. Vì chứng ngộ pháp giới của Niết-bàn vô vi, vì không nương vào nghiệp phiền não mà sinh trong tất cả các cõi, vì không có tướng sinh trôi buộc. Vì được đoạn tuyệt

nghiệp ái, vì không trú trong ba cõi, không hệ thuộc ba cõi. Như kinh nói: “Nhưng Như Lai không có các sự việc như vậy”. Đây là vì nghĩa gì? Đây là do Như Lai nương theo thường biên cho nên thấy tất cả là vô thường...

Lại nói không có các sự việc như vậy. Bởi vì trong pháp Phật không có nêu bày như vậy, tất cả mọi pháp đã thuyết giảng đều không thể nhận thấy.

“Phạm Thiên phải biết, đây là Như Lai tùy ý”. Vì nương vào ý nào mà chúng sinh kiêu mạn có khả năng trừ bỏ ngã mạn? Đây là trình bày nghĩa gì? Tức là chỉ rõ nghĩa khác trong pháp đã nói như vậy. Sự chấp trước theo danh nghĩa cũng như vậy.

“Phạm Thiên! Nếu Bồ-tát biết Như Lai tùy theo phương tiện giảng nói”. Đó là từ bỏ chấp trước vào danh nghĩa như vậy, tiếp theo lại nói, đây là trình bày nghĩa gì? Đó là trong việc giảng nói pháp có hai loại hoạt động:

1. Chữ hoạt động.
2. Nghĩa hoạt động.

Đây là trình bày nghĩa gì? Đó là danh tự hoạt động trong nghĩa như vậy, nghĩa hoạt động trong danh tự như vậy. Đây là ý rất thâm diệu của Như Lai. Nương vào ý thâm diệu này, khéo nhận biết về trí-hạnh-nghĩa-chữ-tướng với phương tiện khéo léo như vậy. Nên biết hoạt động này tức là hành động của Bồ-tát đi tới hành động như ý. Như ý rất sâu xa mà Như Lai đã nói, cho nên phương tiện khéo léo tập hợp các pháp, thì có năng lực dễ dàng biết tất cả những điều đã nói về đủ loại các pháp. Vì vậy Bồ-tát có năng lực đối với tất cả ngôn ngữ âm thanh thuyết pháp của chư Phật mà không hề kinh sợ. Nên biết như vậy. Vì các chúng sinh tùy theo đủ loại tâm, cho nên Bồ-tát dựa vào phương tiện ấy thì có thể tin nhận, dù nghe Phật xuất thế hay không xuất thế. Vì các tướng khác biệt vô cùng, giống như Phật xuất thế hay không xuất thế, tất cả đều nêu rõ, không hề chấp trước mà dùng phương tiện khéo léo khiến cho các chúng sinh tin tưởng tiến vào các pháp. Vì có thể hóa độ thân chúng sinh không thuần thực, khiến cho thân chúng sinh ấy được thuần thực, mà nói pháp đơn giản dễ hiểu cho họ, dựa vào niềm vui chỉ rõ niềm vui, vì thân cảm thọ niềm vui-thân được thuần thực cho nên nói cho nghe về pháp sâu xa.

Vì vậy theo thứ tự dựa vào thời gian mà nói pháp, nghĩa này cho nên biết. Cho nên biết thế nào? Trước hết, nói pháp đơn giản cho chúng sinh. Đây là trình bày về nghĩa gì? Đó là nhiếp thủ nhân quả, nhiếp thủ

sự quán sát của họ, nhiếp thủ nghiệp của họ, dùng phương tiện giáo hóa để nhiếp thủ chúng sinh, nhiếp thủ sự tu hành: Bồ thí sẽ được giàu, cho đến có tuệ để dứt trừ các phiền não. Nương vào pháp thiện tu hành để nhiếp thủ lý nhân quả. Dùng nhân để đối trị với sự xấu xa thô bỉ, vì nhân có khả năng sinh tâm hoan hỷ, vì nhân có khả năng làm nhân cho sự đon chánh. Tu hành các công hạnh của Tuệ nghe..., có khả năng làm nhân cho trí, làm nhân vượt qua mọi thứ Khổ khổ. Nhờ tuệ quán như thật cho nên có khả năng lia bỏ mọi phiền não, làm nhân của các phiền não diệt tan, không thể tập hợp.

Lại nữa, hạnh của Tuệ nghe này là tu tập quán sát pháp thiện. Tại sao nhân của quán sát này lại do tuệ nghe nhiều nhiếp thủ? Vì nó nhiếp thủ sự quán sát kia, nhiếp thủ mười đạo nghiệp thiện tu hành của thân...

Nương vào mười nghiệp thiện ấy mà nhiếp thủ hàng Trời Người thành tựu các công đức, đều nhờ sự nhiếp thủ nghiệp kia. Nhiếp thủ vô lượng nghiệp thương xót chúng sinh, Bồ-tát dùng phương tiện để giáo hóa nhiếp thủ chúng sinh. Dùng phương tiện nhiếp thủ chúng sinh thuần thực là do Bồ-tát dựa vào Xa-ma-tha, tu hành tất cả pháp thiện. Vì vậy từ Xa-ma-tha tu hành được Tỳ-bát-xá-na. Đây là tu hành để nhiếp thủ.

Nương vào ba thừa, được Niết-bàn của ba thừa là quả của sự tu hành nhiếp thủ.

Người nhận lấy việc khát thực, tu hạnh khát thực ít ham muốn, đầu đà thì ít làm việc ích lợi cho chúng sinh, không có khả năng nói pháp, để giúp cho chúng sinh tùy thuận tiến vào giáo pháp.

Như Lai nói pháp đơn giản như vậy xong, sau đó mới giảng nói pháp sâu xa. Đây là trình bày nghĩa gì? Giảng nói pháp đơn giản là làm sáng tỏ về nhân quả. Căn tánh chúng sinh chưa thuần thực thì có thể giáo hóa khiến tự tâm chúng sinh nhận biết về sự nhân quả. Chúng sinh được nhiếp thủ gồm chủ thể tạo tác và đối tượng tạo tác, Như Lai đều nhìn thấy rõ. Vì vậy, Như Lai trước hết là làm sáng tỏ về nhân quả, tiếp đến mới nói tới pháp đối trị gồm chủ thể đối trị và đối tượng đối trị, là chỉ rõ chính họ phải từ bỏ tà kiến kia. Như Lai thật sự không có tưởng về ngã-chúng sinh-thọ mạng và trợ phụ... Nghĩa này là thế nào? Nghĩa về ngã-chúng sinh-thọ mạng-trợ phụ, như trước đây đã nói, cho nên biết như vậy. Vì không nhận thấy pháp nhân quả của chủ thể đối trị và đối tượng đối trị kia, cho nên nói giản lược nương theo quả báo của thế gian. Vì không thấy sự thọ nhận quả báo của bố thí..., vì không thấy sự keo kiệt..., phải thọ nhận quả báo. Do đã xa lìa pháp tu hành của chủ

thể và đối tượng đối trị. Vì không thấy quả báo của sự việc lìa thế gian, quả của việc đạt được Niết-bàn, theo tướng của pháp có-không.

“Phạm Thiên! Như Lai thường nói pháp cho chúng sinh, và họ nương theo lời dạy của Như Lai, như pháp đã nói mà tu hành như thật, siêng năng hành trì các hạnh”. Vì ý nghĩa gì mà siêng năng tu hành các hạnh kia, cho đến không thủ đắc Niết-bàn, không thấy có Niết-bàn? Đây là trình bày nghĩa gì? Như nói pháp đơn giản nhiếp thủ chúng sinh, thấy tướng của các pháp, tu hành như vậy được quả xuất thế gian mà không chấp giữ quả ấy.

Như Lai thị hiện nói pháp như vậy, là nhân của thế gian. Đây có nghĩa gì? Nương vào pháp Phật nói mà tu hành. Đây là tùy thuận pháp thiện căn bản.

Tu các hạnh, là giải thích nhờ nương vào pháp không thủ đắc, nương vào pháp không chấp giữ. Theo thứ tự như vậy mà nói.

Pháp không thủ đắc là dùng tuệ quán sát không thể đạt được.

Pháp không chấp giữ là thân không thể chứng ngộ được Niết-bàn.

Khiến chúng sinh nhiếp thủ được pháp mầu nhiệm, là trình bày nghĩa gì? Pháp đơn giản và sâu xa mà Như Lai giảng nói là để cho chúng sinh đều được tiến vào hai pháp đơn giản và sâu xa ấy. Bởi vì chỉ rõ sự tiến vào pháp tướng. Đây là trình bày nghĩa gì? Khiến cho tiến vào pháp, dựa vào bốn loại tiến vào. Vì chúng sinh có thể hóa độ mà chỉ rõ sự giải thoát khiến họ chứng ngộ được pháp đó. Nghĩa này cho nên biết.

Bốn loại tiến vào, nói về hành tướng đạt được các căn như mắt..., lìa ngã và ngã sở, vì Thể của hai tướng ấy đều là Không. Hiểu được tướng đó rồi thì không thể lừa dối mà có thể tiến vào giải thoát, cho nên gọi là tướng.

Tiến vào, dựa vào các tướng như mắt thì có thể tiến vào giải thoát, vì vậy nói là tiến vào tướng giải thoát.

Như vậy, từ tướng Không kia tu tập chánh hạnh, cho nên được tiến vào tướng giải thoát, đều không lừa dối vì trái ngược với tướng lừa dối. Bởi vì nghĩa này, cho nên dựa theo sự tu hành tiến vào mà nói các chúng sinh tiến vào tướng giải thoát. Vì vậy dựa vào hành tướng hai pháp này để chỉ rõ các môn đối trị về nghiệp phiền não cấu nhiễm và sinh khởi cấu nhiễm cùng các loại không. Đây là trình bày nghĩa gì? Bởi vì đối trị những gì cần phải đối trị. Đó là pháp đối trị về chấp tướng-nguyện nhiễm trước-nghiệp phiền não nhiễm trước và những sinh khởi

cấu nhiễm. Đây là trình bày nghĩa gì? Dùng các môn không-vô tướng-vô nguyện, đối trị nghiệp nhiễm ô và phiền não cấu nhiễm. Bởi vì môn không thực hành đối với sinh tử, cho nên đối trị sự sinh khởi cấu nhiễm. Môn không sinh không diệt, đây là trình bày nghĩa gì? Chính là pháp đối trị sai biệt trong sự sinh khởi cấu nhiễm kia, tức là những sự đối trị kia lại có đối trị. Bởi vì môn không từ đâu đến cũng không đi về đâu lại có đối trị. Dùng môn không lùi lại-không rời bỏ tiến vào tướng giải thoát.

Như thứ tự đó, pháp môn tự tánh thanh tịnh mới là tịch tĩnh. Đây là trình bày nghĩa gì? Vì tự tánh của pháp lùi kia là vắng lặng, tức là chỉ rõ sự cấu nhiễm kia thấy đều vắng lặng. Vì sao nói tự tánh vắng lặng? Vì nương vào tánh tịnh để nói về pháp tiến vào. Vì vậy phần tiếp theo nói:

“Lại nữa, Phạm Thiên! Từ danh, tự, Như Lai chỉ cho biết đó là cửa giải thoát..”

Đây là vì nghĩa gì? Vì có sự lần lượt không có gì tương ứng, vì tự tánh tối tăm. Đây là vì nghĩa gì? Vì nương vào nhiều loại pháp khác mà nói về nhiều loại danh tự khác, vì các danh tự có chữ trước-chữ sau không phù hợp với nhau, cho nên lại có sự khác biệt về ý nghĩa và lời nói không khớp với nhau.

Nói như vậy là trình bày nghĩa gì? Vì nói các pháp không có ngôn ngữ của nó để có thể nêu bày. Nương vào pháp tướng vốn không có lời nói-danh, tự, để nói như vậy xong, chỉ rõ tất cả lời nói, danh tự, do Như Lai nói ra, là nhân của giải thoát. Đây là trình bày nghĩa gì? Đó là nói về thật đế. Dựa vào thật đế đúng như thật chính thức nêu giảng các pháp xong, làm thế nào để được giải thoát? Vì vậy tiếp theo nói: “Phạm Thiên! Như Lai nói pháp, không có pháp nhiễm”. Đây là trình bày nghĩa gì? Vì thân thuần thực, cho nên Như Lai nói pháp đơn giản rồi, vì tùy thuận sự đoạn trừ nhân của pháp phiền não ô nhiễm mà dựa theo pháp môn tiến vào, nói trong hết thấy pháp được nêu giảng đều chỉ rõ về giải thoát. Đây là trình bày nghĩa gì? Đó là chỉ rõ Niết-bàn. Chỉ rõ người tu học kiến đế thấy rõ phiền não còn lại, chỉ rõ người tu học lìa phiền não mà đạt được giải thoát.

Ai chưa thấy thật đế thì giúp người ấy tiến vào tất cả pháp Chân Như bình đẳng, dùng phương tiện nói pháp chỉ rõ Niết-bàn. Có hai nghĩa cho nên biết về Đại Bi:

1. Cuối cùng đối trị với pháp của đối tượng được đối trị.
2. Tâm Đại Bi của Nhất thiết chủng.

Đây là trình bày nghĩa gì? Đó là xa lìa tất cả pháp của đối tượng đối trị, và lìa bỏ mọi tập khí phiền não, mà đạt được thân Như Lai, được Nhất thiết chủng.

Lược nương vào bốn loại tâm Đại Bi mà nói. Những gì là bốn? Đó là:

1. Tâm Đại Bi xa lìa tương ứng.
2. Tâm Đại Bi tương ứng.
3. Tâm Đại Bi của tâm.
4. Tâm Đại Bi tu hành.

Xa lìa tương ứng, bởi vì dùng thức xa lìa thức là không tương ứng, vì nhận thấy ngã-tâm tương ứng. Đây là trình bày nghĩa gì? Chỉ rõ tâm Đại Bi xa lìa tương ứng, chỉ rõ tâm Đại Bi tương ứng.

Như vậy theo thứ tự mọi pháp đều vô ngã, cho đến hết thấy các pháp đều không có tướng phu (ngã-nhân-thọ mạng). Dựa vào nhân vô ngã mà nói tất cả pháp là không vốn có. Dựa vào pháp vô ngã để nói, tức là hai loại ấy, nhân không có tướng ngã và pháp không có tướng ngã gọi là vô trú. Nói vô trú vì không chấp trước vào thể của các pháp cho nên không trú vào tất cả mọi pháp. Cho nên biết như vậy. Đây là trình bày về nghĩa gì? Gọi là trú, là trú vào các nhập. Dựa vào môn ái của ngã kiến, rồi trú vào nơi ấy. Hễ vô trú thì không có nơi quy về. Không có nơi quay về thì làm sao có sự trở về? Trở về nơi ba cõi, về với sáu đường. Vì nương vào sáu nhập kia mà giữ lấy thân, dựa vào đó sinh ra mà ở nơi ấy bị chìm đắm mãi.

Nói chìm đắm, là ngã và ngã sở lấy những nơi ấy mà sinh ra thân-tâm, cho nên có sự sống.

Không có nơi quay về thì không có ngã tướng. Không có tướng về ngã thì không có sở hữu của ngã.

Có nơi trở về thì chấp vào ngã tướng. Vướng mắc vào tướng về ngã thì có ngã sở. Chấp vào ngã sở thì mọi pháp cùng sinh ra. Nhưng vì chúng sinh phân biệt hư vọng cho nên ngã càng gia tăng. Đây là trình bày về nghĩa gì? Đó là nương vào sự việc để nhiếp thủ sự chấp trước.

Nói nương vào sự việc là nương vào ruộng nương-nhà cửa-vườn-rừng..., nương vào cha-mẹ-vợ-con..., nương vào y phục, thức uống ăn-giường nằm...

Nương vào sự nhiếp thủ là nhận lấy mọi sự thọ dụng.

Nương vào chấp trước là chấp trước những gì mình đã có là ngã sở, là ruộng nương-nhà cửa và sở hữu riêng biệt của mình.

Như vậy chấp vào sự sống, chấp vào sự sống lùi lại. Nói chấp vào

sự sống, là tự mình ở nơi này-tự mình đến nơi khác, nơi nào cũng chấp lấy. Nghiệp phiền não cấu nhiễm tăng lên khắp nơi, đi-lại sinh sống mọi lúc mọi nơi đầy những cấu nhiễm. Dựa theo ba loại tham-sân-si mà bị cấu nhiễm trói buộc thuận theo mọi sự cấu nhiễm. Nghĩa này thế nào? Bởi vì tham-sân-si mà bị cấu nhiễm, thuận theo mọi sự cấu nhiễm. Bởi vì nghĩa gì? Bởi vì hai loại danh-thuyết dựa vào cấu nhiễm căn bản, nghĩa là từ đời quá khứ cho đến đời này, từ trong đời này hưởng về đời khác, lấy những điều đó làm đầu.

Nói như vậy là chỉ rõ đời đời kiếp kiếp nối tiếp nhau không đoạn tuyệt. Mọi việc làm chúng sinh, cứ sống như vậy, không đoạn tuyệt mà luân chuyển mãi, học tập các thứ kỹ thuật, mọi thứ ngành nghề, đều do sức của trượng phu (chúng sinh) làm nên, pháp hữu vi, mọi hý luận tạo ra môi trường từ đó có cảnh giới thọ dụng.

Chúng sinh phân biệt hư vọng như vậy, tất cả sự việc như vậy, đều dựa vào phạm vi của người thế tục, nghĩa này cho nên biết.

Lại nữa, có người nương vào phần vị kẻ xuất gia, chỉ là hình tướng theo tà kiến của ngoại đạo, tà kiến theo nguyện. Đây là trình bày về nghĩa gì? Nói tà kiến là chấp ngã... Gọi là tướng, là phân biệt hư vọng về đủ loại tướng của nghĩa kia.

Gọi là nguyện, là tâm thường vui với mong cầu được sinh trong thế gian... Tức là như trên đã nói về tâm Bi xa lìa, tâm Bi không xa lìa, là thị hiện tâm Bi của tâm. Về nghĩa này cho nên biết. Vì tâm Bi xa lìa hay không xa lìa đều là nói đến pháp tu hành. Dựa vào ý muốn mong cầu. Dựa vào có sự mong cầu. Dựa vào phạm hạnh để mong cầu các đạo diên đảo, là pháp của chủ thể đối trị và đối tượng đối trị. Vì vậy tiếp theo là việc tu hành tâm bi. Đây là trình bày về nghĩa gì? Dựa vào ý muốn mong cầu đạo diên đảo, là vì tích chứa mà vội vàng cùng nhau tranh chấp xâu xé. Vì những ham muốn mà tự Cha mẹ và vợ con đều tranh chấp lẫn nhau. Vì giận dữ mà kiện tụng lẫn nhau... Như vậy lần lượt dựa vào xứ sở để cầu đạo diên đảo, là tương ứng với diên đảo. Câu Phạm thiên..., cho nên thường thấy diên đảo. Vì chấp giữ diên đảo cho nên gọi là diên đảo. Vì diên đảo mà lìa bỏ đạo diên đảo khiến có thể đi vào đạo không diên đảo.

Lại nữa, dựa vào cái có để cầu đạo diên đảo, là trú nơi dị đạo vì muốn giáo hóa các chúng sinh nơi dị đạo kia khiến họ tiến vào Phật đạo biết là đạo không thể thủ đắc. Dựa vào phạm hạnh để cầu đạo diên đảo, lược nêu có ba hạng, là cầu không được, cầu tà vạy và cầu thấp kém. Đây còn có nghĩa gì?

Tất cả thế gian đều có lỗi là không tự tại, lỗi sống tà vạy, lỗi lầm đối với người thân. Các pháp phiền não nhiễm và nghiệp khổ nhiễm là ngôi nhà vui của người thế tục. Vì vậy chúng sinh không cầu phạm hạnh. Không cầu phạm hạnh là không cầu đạo giải thoát. Đó là sự keo kiệt đã nhận chìm con người vào mọi hành vi tham lam, lừa dối và tập khí của lười nhác.

Theo thứ tự như vậy, Bồ-tát hành hóa để cứu giúp chúng sinh không biết chán đủ.

Chiếm đoạt tài sản của kẻ khác, vì tự nuôi sống một cách phi pháp. Bồ thí cho họ cũng đều không đủ. Chúng sinh thường làm tội cho tài sản, vật dụng, nhà cửa, vợ con, ân ái. Đây là chỉ rõ tâm của chúng sinh không được tự tại.

Đối với những loại nguy khốn không vững chắc này mà sinh ý tưởng vững chắc, là mọi thứ của tiền, vật dụng cho đời sống đều vô thường mà sinh ý tưởng thường còn.

Cung kính cúng dường, đây là nghĩa gì? Đó là sự ràng buộc của uống ăn không thành tựu. Chúng sinh tuy cho là thiện tri thức mà chính là ác tri thức của họ, là chỉ rõ đó là oán gia.

Sinh sống tà vạy là sử dụng cân-học..., để lừa dối người khác.

Trong tất cả các hành, luôn siêng năng tu tập các hạnh thiện thì cuối cùng mới có thể chứng được đại Bồ-đề, nhưng mà các chúng sinh đó rất lười biếng, mệt mỏi cho nên vẫn nhận chịu khổ đau.

Cảnh giới giải thoát tối thượng của Thánh nhân, là do người tu hành với nhân không điên đảo mà đạt được, nhưng các chúng sinh mong cầu phạm hạnh tà vạy dựa vào nhân điên đảo mà tu tập các hạnh, hy vọng chứng đắc, thành ấy mong cầu giải thoát của ngoại đạo, vì khiến cho họ không được thực hành tà đạo ấy. Tại sao?

Vì họ không được sự giải thoát của Thánh nhân.

Chúng sinh rời bỏ Đại thừa tối thượng không ngần ngại, bởi vì chỉ mong cầu phạm hạnh thấp, bỏ Đại thừa vô thượng bậc nhất mà mong cầu được phần thấp của Tiểu thừa.

